

LUẬT BẢO HIỂM TIỀN GỬI LIÊN BANG NGA (NĂM 2003)

LUẬT LIÊN BANG NGA
“VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI CỦA CÁC TỔ CHỨC CÁ NHÂN
TẠI CÁC NGÂN HÀNG LIÊN BANG NGA”*

Thông qua Hạ Viện Nga:

Ngày 24 tháng 11 năm 2003

Hội đồng Liên Bang phê chuẩn:

Ngày 10 tháng 12 năm 2003

Luật Liên Bang này thiết chế những cơ sở pháp lý, tài chính và tổ chức của chức năng hệ thống bảo hiểm tiền gửi bắt buộc của các cá nhân tại các ngân hàng Liên Bang Nga (sau đây gọi tắt là hệ thống bảo hiểm tiền gửi), thẩm quyền, trình tự hình thành và hoạt động của tổ chức thực hiện chức năng bảo hiểm bắt buộc tiền gửi (Cơ quan bảo hiểm tiền gửi, sau đây gọi là Cơ quan), trình tự chi trả tiền gửi được bảo hiểm, điều chỉnh các quan hệ giữa các ngân hàng Liên Bang Nga, cơ quan, Ngân hàng trung ương Liên Bang Nga (Ngân hàng Nga) và các cơ quan hành pháp Liên Bang Nga trong lĩnh vực quan hệ về bảo hiểm tiền gửi bắt buộc của các cá nhân tại ngân hàng.

CHƯƠNG 1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục tiêu Luật Liên Bang hiện hành và các quan hệ mà nó điều chỉnh

Mục tiêu Luật Liên Bang hiện hành là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền tại ngân hàng Liên Bang Nga, củng cố lòng tin với hệ thống ngân hàng Liên Bang Nga và kích thích huy động tiền tiết kiệm của dân cư vào hệ thống ngân hàng Liên Bang Nga.

Luật Liên Bang hiện hành điều chỉnh mối quan hệ về tạo lập và thực hiện chức năng của hệ thống bảo hiểm tiền gửi, về hình thành và sử dụng quỹ tiền tệ của nó, về chi trả tiền gửi khi xuất hiện tình huống bảo hiểm, cũng như mối quan hệ phát sinh trong quá trình thực hiện kiểm tra nhà nước về việc thực hiện chức năng của hệ thống bảo hiểm tiền gửi, và các mối quan hệ khác phát sinh trong lĩnh vực này.

Sự điều chỉnh của Luật Liên Bang hiện hành không phổ biến đối với các phương pháp bảo hiểm tiền gửi cá nhân khác để đảm bảo hoàn trả nó và trả lãi suất kèm theo.

Phù hợp với mục tiêu của Luật Liên Bang hiện hành thiết lập đặc điểm vị trí pháp lý của các bên tham gia hệ thống bảo hiểm tiền gửi và xác định các điều kiện cơ bản của bảo hiểm tiền gửi bắt buộc, trường hợp bảo hiểm, chi trả bảo hiểm và nhận tiền gửi được bảo hiểm.

Các quan hệ phát sinh có liên quan đến việc tạo lập và thực hiện chức năng của hệ thống bảo hiểm tiền gửi được điều chỉnh bằng Luật Liên Bang hiện hành, bằng các luật Liên Bang khác, còn trong các trường hợp được đề cập đến trong Luật Liên Bang hiện hành – bằng các quy phạm pháp luật tương ứng của Chính phủ Liên Bang Nga và của Ngân hàng Nga.

Điều 2. Các khái niệm cơ bản được sử dụng trong Luật Liên Bang hiện hành

Trong Luật Liên Bang hiện hành sử dụng các khái niệm cơ bản sau đây:

Ngân hàng – tổ chức tín dụng được phép của NH Nga huy động tiền gửi cá nhân, mở và duy trì tài khoản cá nhân, do NH Nga cấp cho các ngân hàng theo quy định tại Luật Liên Bang

“(trong ấn phẩm Luật Liên Bang, ngày 3.2.1996, số 17-F3) (sau đó – Luật Liên Bang “Về ngân hàng và hoạt động ngân hàng”);

Tiền gửi – phương tiện tiền tệ của Liên Bang Nga hay của nước ngoài, được cá nhân gửi vào ngân hàng trên lãnh thổ Liên Bang Nga trên cơ sở hợp đồng gửi tiền ngân hàng hay hợp đồng tài khoản ngân hàng bao gồm cả lãi suất nhập gốc của số tiền gửi;

Bảng kê ngân hàng – hình thành phù hợp với Luật liên Bang hiện hành liệt kê các ngân hàng trong hệ thống bảo hiểm tiền gửi;

Người gửi tiền – công dân của Liên Bang Nga, công dân nước ngoài hoặc không có quốc tịch, tham gia vào hợp đồng gửi tiền với ngân hàng hay hợp đồng tài khoản ngân hàng, hoặc bất kỳ người nào trong các nhóm đã nêu mà tiền gửi mang lại lợi ích cho họ;

Chi trả tiền gửi (cho người gửi tiền) (trương tự – chi trả bảo hiểm) – số tiền phải trả cho người gửi tiền phù hợp với Luật Liên Bang hiện hành khi xuất hiện tình huống bảo hiểm;

Sự cho phép của NH Nga – giấy phép do NH Nga cấp về huy động tiền gửi cá nhân và về mở, duy trì tài khoản ngân hàng của cá nhân theo quy định của Luật Liên Bang “Về ngân hàng và hoạt động ngân hàng”;

Thâm hụt quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc – Sự thiếu quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc để thực hiện chi trả tiền gửi vào thời điểm do Luật Liên Bang hiện hành quy định.

Điều 3. Những nguyên tắc cơ bản của hệ thống bảo hiểm tiền gửi

Những nguyên tắc cơ bản của hệ thống bảo hiểm tiền gửi là:

Tính bắt buộc tham gia của các ngân hàng vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi;

Sự giảm rủi ro khi xuất hiện hậu quả bất lợi đối với người gửi tiền trong trường hợp ngân hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình;

Sự rõ ràng trong hoạt động của hệ thống bảo hiểm tiền gửi;

Đặc điểm tích lũy của việc hình thành quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc bằng khoản đóng góp định kỳ của các ngân hàng tham gia vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi.

Điều 4. Người tham gia vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi

Người tham gia vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi là:

Người gửi tiền, đối với mục tiêu của Luật Liên Bang hiện hành được gọi là người hưởng lợi;

Ngân hàng được đưa vào bảng kê ngân hàng theo trình tự quy định, đối với mục tiêu của Luật Liên Bang hiện hành được gọi là người được bảo hiểm;

Cơ quan đại lý, đối với mục tiêu của Luật Liên Bang hiện hành được gọi là người bảo hiểm;

NH Nga khi thực hiện chức năng của mình phát sinh do Luật Liên Bang hiện hành.

Điều 5. Tiền gửi được bảo hiểm thực hiện phù hợp với Luật Liên Bang hiện hành.

Phù hợp với Luật Liên Bang hiện hành tiền gửi được bảo hiểm theo trật tự, mức độ và những điều kiện được đặt ra tại Chương 2 Luật Liên Bang hiện hành, loại trừ các phương tiện tiền tệ nêu tại Điểm 2 của điều này.

Phù hợp với Luật Liên Bang hiện hành tiền gửi không được bảo hiểm bao gồm:

Tiền trên tài khoản ngân hàng của cá nhân thực hiện hoạt động kinh doanh không có tư cách pháp nhân nếu những tài khoản này được mở có liên quan đến các hoạt động đã nêu;

Tiền của cá nhân gửi vào ngân hàng với mục đích sử dụng, bao gồm cả tiền xác nhận chứng chỉ tiền gửi và (hoặc) sổ tiết kiệm cho người sử dụng;

Tiền của các cá nhân gửi ngân hàng để làm đảm bảo;

Tiền gửi tại các chi nhánh ngân hàng Liên Bang Nga nằm ngoài lãnh thổ Cộng hoà Liên Bang Nga;

Việc bảo hiểm tiền gửi được thực hiện có hiệu lực theo Luật Liên Bang hiện hành và không đòi hỏi ký kết hợp đồng bảo hiểm.

Điều 6. Sự tham gia của các ngân hàng vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi

(1) Sự tham gia vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi phù hợp với Luật Liên Bang hiện hành là bắt buộc đối với tất cả các ngân hàng.

(2) Ngân hàng được coi là người tham gia hệ thống bảo hiểm tiền gửi từ ngày được đưa vào danh sách cho đến ngày loại ra khỏi danh sách trong hệ thống bảo hiểm tiền gửi phù hợp với Điều 28 Luật Liên Bang hiện hành.

(3) Ngân hàng có trách nhiệm:

1) nộp phí bảo hiểm tiền gửi vào quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc (sau đây gọi là phí bảo hiểm tiền gửi);

2) thông báo cho người gửi tiền thông tin về sự tham gia của mình vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi, về trình tự và số tiền nhận chi trả bảo hiểm;

3) bố trí đưa thông tin về hệ thống bảo hiểm tiền gửi ở vị trí thuận lợi, nơi thực hiện giao dịch phục vụ người gửi tiền;

4) thực hiện kế toán nghĩa vụ của ngân hàng đối với người gửi tiền, cho phép ngân hàng lập vào bất cứ ngày nào tờ kê nghĩa vụ của ngân hàng đối với người gửi tiền theo mẫu do Ngân hàng Nga quy định trình Cơ quan;

5) thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Luật Liên Bang hiện hành.

CHƯƠNG 2. TRÌNH TỰ VÀ ĐIỀU KIỆN CHI TRẢ TIỀN GỬI ĐƯỢC BẢO HIỂM

Điều 7. Quyền của người gửi tiền

1. Người gửi tiền có quyền:

1) nhận tiền chi trả bảo hiểm theo trình tự được quy định tại Luật Liên Bang hiện hành;

2) thông báo với Cơ quan về sự trì trệ của ngân hàng thực hiện chi trả;

3) nhận từ ngân hàng nơi gửi tiền và từ Cơ quan thông tin về sự tham gia của ngân hàng vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi, về trình tự và mức tiền nhận chi trả bảo hiểm.

2. Người gửi tiền nhận chi trả bảo hiểm tiền gửi đã gửi ngân hàng khi có tính hướng bảo hiểm có quyền yêu cầu đối với ngân hàng này về số tiền chênh lệch giữa số tiền yêu cầu đối với ngân hàng này và số tiền trả bảo hiểm đã nhận được. Sự khẳng định quyền này được thực hiện phù hợp với Luật Dân sự của Cộng hoà Liên Bang Nga.

Điều 8. Tình hướng bảo hiểm

1. Đối với mục tiêu của Luật Liên Bang hiện hành tình hướng bảo hiểm được công nhận là một trong những trường hợp sau đây:

1) việc thu hồi (vô hiệu hoá) giấy phép của Ngân hàng Nga về thực hiện nghiệp vụ ngân hàng (sau đây gọi là cấp phép của Ngân hàng Nga) theo quy định của Luật Liên Bang “về ngân hàng và hoạt động ngân hàng”;

2) việc Ngân hàng Nga thực hiện theo pháp luật của Liên Bang Nga lệnh đình trả đáp ứng các yêu cầu của các chủ nợ của ngân hàng.

2. Tình hướng bảo hiểm được coi là xuất hiện kể từ ngày có hiệu lực quyết định của Ngân hàng Nga về rút phép do Ngân hàng Nga cấp hoặc có quyết định của Ngân hàng Nga về việc đình trả các yêu cầu của các chủ nợ của ngân hàng.

Điều 9. Sự phát sinh quyền của người gửi tiền về nhận tiền bảo hiểm

1. Quyền yêu cầu của người gửi tiền về tiền bảo hiểm phát sinh từ ngày xuất hiện tình hướng bảo hiểm.

2. Người thu nhận ở người gửi tiền quyền yêu cầu đối với tiền gửi sau khi xuất hiện tình hướng bảo hiểm sẽ không có quyền nhận tiền bảo hiểm.

Điều 10. Trình tự đề nghị nhận tiền bảo hiểm

1. Người gửi tiền (đại diện người gửi tiền) có quyền đề nghị Cơ quan về việc chi trả tiền bảo hiểm kể từ ngày xuất hiện tình hướng bảo hiểm đến ngày hoàn thành đấu thầu, còn trong trường hợp Ngân hàng Nga thực hiện đình chỉ đáp ứng yêu cầu của các chủ nợ – cho đến ngày hết hiệu lực đình chỉ.

2. Trong trường hợp người gửi tiền bị quá thời hạn yêu cầu chi trả tiền bảo hiểm đã nêu tại Điểm 1 điều này thời hạn yêu cầu của người gửi tiền có thể được phục hồi theo quyết định của lãnh đạo Cơ quan khi có một trong những tình hướng sau:

1) nếu yêu cầu của người gửi tiền về việc chi trả bảo hiểm bị cản trở bởi tình trạng đặc biệt và không thể trì hoãn (có hiệu lực ngay);

2) nếu người gửi tiền thi hành nghĩa vụ quân sự theo triệu tập hoặc tại ngũ trong lực lượng vũ trang Liên Bang Nga được đặt trong tình trạng chiến đấu;

3) nếu nguyên nhân quá hạn định có liên quan đến cá nhân người gửi tiền (trong đó có bị bệnh nặng, tình trạng thiếu sự giúp đỡ).

3. Quyết định của ban lãnh đạo Cơ quan về từ chối khôi phục thời hạn đã qua để yêu cầu chi trả bảo hiểm có thể do người gửi tiền khiếu nại đến toà án.

4. Khi yêu cầu đến Cơ quan về chi trả tiền bảo hiểm người gửi tiền phải xuất trình:

1) Đơn theo mẫu do Cơ quan quy định;

2) giấy tờ chứng minh cá nhân.

4. Khi yêu cầu đến Cơ quan về chi trả tiền bảo hiểm đại diện người gửi tiền cùng với các giấy tờ đã nêu tại Điểm 1,2 Khoản 4 điều này, phải xuất trình các cơ sở pháp lý xác định.

Điều 11. Mức chi trả bảo hiểm

1. Mức chi trả bảo hiểm cho mỗi người gửi tiền được xác định trên cơ sở tổng số nghĩa vụ về tiền gửi của ngân hàng đối với người gửi tiền khi xuất hiện tình huống bảo hiểm. Khi tính tổng số nghĩa vụ về tiền gửi của ngân hàng đối với người gửi tiền chỉ đưa vào tính toán các khoản tiền gửi được bảo hiểm phù hợp với Điều 5 của Luật này.

2. Tiền bảo hiểm được chi trả cho người gửi tiền ở mức 100% tổng số tiền gửi tại ngân hàng khi có tình huống bảo hiểm nhưng không quá 100.000 rúp.

3. Nếu người gửi tiền có một số khoản tiền gửi tại một ngân hàng mà tổng mức nghĩa vụ đối với người gửi tiền này vượt quá 100.000 rúp, tiền bảo hiểm được chi trả theo từng khoản tiền gửi theo tỷ lệ tương ứng của từng khoản.

4. Nếu tình huống bảo hiểm xuất hiện ở một vài ngân hàng mà người gửi tiền có tiền gửi, mức chi trả bảo hiểm được tính riêng cho từng ngân hàng.

5. Mức chi trả tiền gửi được tính trên cơ sở mức số dư các khoản tiền gửi của người gửi tiền tại ngân hàng vào cuối ngày xuất hiện tình huống bảo hiểm.

6. Trong trường hợp nếu nghĩa vụ của ngân hàng đối với khách hàng khi xuất hiện tình huống bảo hiểm bằng ngoại tệ, số tiền chi trả bảo hiểm được tính theo tiền của Liên Bang Nga theo tỷ giá do Ngân hàng Nga ấn định vào ngày xuất hiện tình huống bảo hiểm.

7. Nếu ngân hàng có xuất hiện tình huống bảo hiểm là chủ nợ của người gửi tiền, mức chi trả bảo hiểm được xác định căn cứ vào chênh lệch giữa tổng số nghĩa vụ của ngân hàng đối với người gửi tiền và số tiền mà ngân hàng là chủ nợ đối với người gửi tiền xuất hiện đến ngày có tình huống bảo hiểm.

Điều 12. Trình tự chi trả tiền bảo hiểm

1. Cơ quan trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được từ ngân hàng khi xuất hiện tình huống bảo hiểm gửi Bảng kê nghĩa vụ của ngân hàng đối với người gửi tiền đến ngân hàng, và để đăng trên “Thời báo Ngân hàng Nga” và cơ quan in ấn tại nơi đóng trụ sở ngân hàng thông tin về địa điểm, thời gian, mẫu và trình tự nhận đơn của người gửi tiền về chi trả tiền bảo hiểm. Trong vòng 1 tháng kể từ ngày nhận từ ngân hàng Bảng kê nghĩa vụ của ngân hàng đối với người gửi tiền Cơ quan sẽ chuyển thông báo tương ứng cho người gửi tiền khi ngân hàng xuất hiện tình huống bảo hiểm.

2. Thông báo đã nêu tại Khoản 1 điều này người gửi tiền được quyền nhận trực tiếp tại ngân hàng có tình huống bảo hiểm và tại Cơ quan.
3. Khi người gửi tiền (đại diện) xuất trình cho Cơ quan hồ sơ đã đề cập tại Khoản 4 và 5 điều 10 của Luật này, Cơ quan trao cho người gửi tiền phiếu trích từ Bảng kê nghĩa vụ của ngân hàng đối với người gửi tiền có ghi rõ mức chi trả bảo hiểm cho họ.
4. Việc chi trả tiền bảo hiểm do Cơ quan thực hiện theo Bảng kê nghĩa vụ của ngân hàng đối với người gửi tiền do ngân hàng lập trong vòng 3 ngày kể từ ngày người gửi tiền trình nộp Cơ quan các chứng từ đã đề cập tại Khoản 4 và 5 Điều 10 Luật này, nhưng không sớm hơn 14 ngày kể từ ngày xuất hiện tình huống bảo hiểm.
5. Khi chi trả tiền bảo hiểm Cơ quan trao cho người gửi tiền giấy xác nhận số tiền chi trả và số tiền gửi mà theo đó đã được thực hiện chi trả, và chuyển bản sao cho ngân hàng.
6. Khi không chi trả do lỗi của Cơ quan số tiền bảo hiểm đã được chấp thuận đúng thời hạn đã được quy định tại Điều này, Cơ quan sẽ chi trả cho người gửi tiền lãi suất trên số tiền không chi trả tính theo mức lãi suất tái cấp vốn do Ngân hàng Nga ấn định vào ngày chi trả tiền bảo hiểm thực tế.
6. Trong trường hợp người gửi tiền không chấp thuận mức chi trả tiền bảo hiểm, Cơ quan yêu cầu người gửi tiền nộp bổ sung các giấy tờ khẳng định cơ sở cho các yêu cầu của họ, và gửi vào ngân hàng để xem xét. Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được các giấy tờ đã nêu ngân hàng có trách nhiệm gửi cho Cơ quan thông báo về kết quả xem xét yêu cầu của người gửi tiền và trong trường hợp cần thiết có thông báo về những thay đổi trong bảng kê nghĩa vụ của ngân hàng đối với người gửi tiền.
7. Sau khi thống nhất với ngân hàng và người gửi tiền về số tiền nghĩa vụ của ngân hàng trên cơ sở các giấy tờ bổ sung đã nêu Cơ quan trả cho người gửi tiền tiền bảo hiểm theo trình tự đã định.
8. Trong trường hợp phục hồi thời hiệu đã đề cập tại Khoản 2 và 3 Điều 10 Luật này, để đưa ra yêu cầu chi trả tiền bảo hiểm người gửi tiền được quyền nhận tiền bảo hiểm ở mức tương ứng số tiền nghĩa vụ của ngân hàng đối với họ đã ghi trong Bảng kê nghĩa vụ của ngân hàng đối với người gửi tiền.
9. Khi không có sự thống nhất về mức chi trả bảo hiểm người gửi tiền có quyền phù hợp với luật pháp Liên bang Nga kiện đến toà án về sự việc và mức độ yêu cầu thích hợp và cả số tiền chi trả bảo hiểm.
10. Việc trả tiền bảo hiểm tiền gửi có thể thực hiện theo đơn của người gửi tiền bằng tiền mặt hay bằng chuyển khoản vào tài khoản tại ngân hàng do người gửi tiền chỉ định.
11. Việc tiếp nhận đơn của người gửi tiền về trả tiền bảo hiểm và các giấy tờ cần thiết khác bao gồm cả các giấy tờ đã nêu tại Khoản 4 và 5 Điều 10 Luật này và Khoản 7 điều này, việc chi trả tiền gửi có thể được Cơ quan thực hiện thông qua ngân hàng - đại lý theo uỷ quyền. Quy định phối hợp giữa ngân hàng này với Cơ quan bao gồm cả mức phí đại lý do Hội đồng

quản trị Cơ quan quyết định. Trình tự đấu thầu đại lý do Hội đồng quản trị Cơ quan quyết định theo thoả thuận với cơ quan chống độc quyền Liên Bang.

12. Việc chi trả tiền bảo hiểm được thực hiện bằng tiền của Liên Bang Nga.

Điều 13. Sự chuyển quyền của người gửi tiền sau khi chi trả tiền bảo hiểm

1. Trong giới hạn số tiền chi trả quyền yêu cầu mà người gửi tiền có đối với ngân hàng có tình huống bảo hiểm chuyển sang Cơ quan thực hiện chi trả bảo hiểm.

2. Trong quá trình thực hiện đấu thầu tại ngân hàng có tình huống bảo hiểm yêu cầu chuyển đến Cơ quan trong quá trình chi trả bảo hiểm được đáp ứng hàng đầu các chủ nợ.

3. Trong hồ sơ phá sản ngân hàng quyền yêu cầu NH chuyển đến Cơ quan trong quá trình chi trả bảo hiểm do cơ quan hành pháp Liên Bang do Chính quyền Liên Bang Nga uỷ quyền gửi (sau đây gọi tắt là Cơ quan toàn quyền).

4. Sau khi Cơ quan chi trả tiền bảo hiểm, cơ quan toàn quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế ngân hàng thu hồi số tiền nợ Cơ quan phù hợp với Khoản 1 và 2 điều này theo trật tự luật định. Số nợ thu hồi phải nộp vào quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc.

5. Khi hết thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu của các chủ nợ của NH do Ngân hàng Nga ấn định Cơ quan được quyền yêu cầu ngân hàng có người gửi tiền được chi trả bảo hiểm gia hạn hoặc kéo dài thời hạn trả nợ.

6. Việc gia hạn trả nợ có thể thực hiện với thời hạn 6 tháng với việc trả nợ một lần.

7. Việc kéo dài thời hạn trả nợ có thể thực hiện với thời hạn đến 1 năm với việc trả nợ theo giai đoạn.

8. Lãi suất trên số nợ này được tính bằng 1/2 lãi suất tái cấp vốn của Ngân hàng Nga lưu hành trong giai đoạn gia hạn hoặc kéo dài thời hạn trả nợ.

CHƯƠNG 3. ĐỊA VỊ PHÁP LÝ, MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG VÀ QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN BẢO HIỂM TIỀN GỬI

Điều 14. Cơ quan bảo hiểm tiền gửi

1. Nhằm thực hiện chức năng bảo hiểm tiền gửi bắt buộc Cơ quan bảo hiểm tiền gửi được thành lập.

2. Cơ quan là công ty nhà nước do Liên Bang Nga thành lập, địa vị pháp lý, mục tiêu hoạt động, chức năng và quyền hạn của nó được xác lập tại Luật liên Bang hiện hành và Luật Liên Bang ngày 12.1. 1996 số 7-F3 “về tổ chức không kinh doanh”.

3. Cơ quan có con dấu với biểu tượng quốc huy của Liên Bang Nga và tên của mình.

4. Cơ quan có tài khoản tại Ngân hàng Nga.

5. Trụ sở của cơ quan trung ương của Cơ quan đóng tại Tp. Maxcova.

Điều 15. Mục tiêu hoạt động và quyền hạn của Cơ quan

1. Mục tiêu hoạt động của Cơ quan phù hợp với Luật Liên bang hiện hành là đảm bảo thực hiện chức năng của hệ thống bảo hiểm tiền gửi.

2. Khi thực hiện chức năng bảo hiểm tiền gửi bắt buộc Cơ quan:

1) tổ chức ghi danh ngân hàng (thực hiện kê danh mục ngân hàng);

2) thực hiện việc thu phí bảo hiểm và kiểm soát việc nhập phí vào quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc;

3) thực hiện các biện pháp thống kê các yêu cầu của người gửi tiền đối với ngân hàng và chi trả tiền bảo hiểm;

4) có quyền kiến nghị với Ngân hàng Nga về việc áp dụng các biện pháp trách nhiệm đối với các ngân hàng vi phạm các yêu cầu của Luật Liên bang hiện hành được đề cập tại điều 74 Luật Liên bang ngày 10.7. 2002 số 86-F3 “Về Ngân hàng trung ương Liên bang Nga (Ngân hàng Nga)” (tiếp sau đó – Luật Liên bang “Về Ngân hàng Trung ương Liên bang Nga (Ngân hàng Nga) và các quy chế Ngân hàng Nga;

5) phân bổ và (hoặc) đầu tư các phương tiện tạm thời nhàn rỗi của quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc theo trật tự do Luật Liên bang hiện hành quy định;

6) được quyền yêu cầu ngân hàng niêm yết thông tin về hệ thống bảo hiểm tiền gửi và sự tham gia của ngân hàng vào hệ thống này một cách phổ thông cho người gửi tiền tại những nơi phục vụ người gửi tiền;

7) quy định trình tự thanh toán phí bảo hiểm tiền gửi phù hợp với điều 36 của Luật hiện hành;

8) thực hiện các quyền khác phục vụ cho việc đạt được các mục tiêu đặt ra cho Cơ quan phù hợp với Luật Liên bang hiện hành.

3. Việc thực hiện chức năng của Cơ quan về bảo hiểm tiền gửi bắt buộc trên cơ sở Luật Liên bang hiện hành không đòi hỏi cấp phép về hoạt động bảo hiểm.

Điều 16. Tài sản của Cơ quan

1. Tài sản của Cơ quan được hình thành trên cơ sở đóng góp tài sản phù hợp với điều 50 Luật Liên bang hiện hành, phí bảo hiểm, và thu nhập mà Cơ quan thu được qua phân bổ các phương tiện tiền tệ, thu từ phát hành giấy tờ có giá và các thu nhập hợp pháp khác.

2. Cơ quan không chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ của Liên Bang Nga. Liên Bang Nga không chịu trách nhiệm của Cơ quan nếu không có quy định khác của Luật Liên bang.

3. Cơ quan sử dụng tài sản của mình để thực hiện chức năng nêu tại Luật Liên bang hiện hành.

Điều 17. Bộ máy điều hành của Cơ quan

Bộ máy điều hành của Cơ quan là Hội đồng quản trị Cơ quan, Ban điều hành và Tổng giám đốc.

Điều 18. Hội đồng quản trị Cơ quan

1. Lãnh đạo cao nhất của Cơ quan là Hội đồng quản trị Cơ quan. Hội đồng quản trị Cơ quan gồm có 13 thành viên – 7 đại diện của Chính phủ Liên bang Nga, 5 đại diện Ngân hàng Nga và Tổng giám đốc Cơ quan. Tổng giám đốc Cơ quan tham gia vào thành phần Hội đồng quản trị Cơ quan theo trách nhiệm.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Cơ quan do Hội đồng quản trị Cơ quan lựa chọn theo giới thiệu của Chính phủ Liên bang Nga.
3. Phiên họp của Hội đồng quản trị Cơ quan do Chủ tịch triệu tập hoặc không ít hơn 1/3 số thành viên Hội đồng quản trị Cơ quan triệu tập trong trường hợp cần thiết nhưng không dưới 1 lần trong quý.
4. Hội đồng quản trị Cơ quan được quyền quyết định nếu trong cuộc họp có mặt không dưới nửa số thành viên. Quyết định của Hội đồng quản trị Cơ quan được thông qua bởi đa số thành viên có mặt. Trường hợp số ý kiến ngang nhau, ý kiến có biểu quyết của Chủ tịch được coi là quyết định.
5. Phiên họp Hội đồng quản trị Cơ quan do Chủ tịch điều hành, trường hợp Chủ tịch vắng mặt, do người được Chủ tịch uỷ quyền điều hành.
6. Nghị quyết cuộc họp Hội đồng quản trị Cơ quan do người điều hành phiên họp ký. Các ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị Cơ quan thuộc nhóm số ít khi biểu quyết được bảo lưu trong nghị quyết theo yêu cầu của họ.

Điều 19. Quyền hạn của Hội đồng quản trị Cơ quan

Khi thực hiện chức năng bảo hiểm tiền gửi bắt buộc Hội đồng quản trị Cơ quan:

1. phê duyệt đề nghị của Ban điều hành Cơ quan về mức chi phí được dự báo từ Ngân sách Liên Bang để bù đắp thiếu hụt của quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc trong năm tiếp theo và chuyển tới Chính phủ Liên Bang Nga để đưa vào dự thảo Luật Ngân sách Liên bang cho năm tới;
2. quyết định mức phí bảo hiểm;
3. xác định phương hướng, điều kiện và trình tự phân bổ và (hoặc) đầu tư vốn tạm thời nhàn rỗi, mức tối đa phân bổ và (hoặc) đầu tư vốn;
4. ra quyết định về mức thiếu hụt quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc và đề nghị trật tự bù đắp khi xuất hiện tình huống bảo hiểm với Chính phủ Liên bang Nga không chậm hơn 5 ngày kể từ ngày nhận được trình báo của Ban điều hành Cơ quan;
5. ra quyết định về việc chuyển vào Ngân sách Liên bang phù hợp với Luật Ngân sách Liên Bang Nga số tiền ngân sách liên bang nhận được sau khi phục hồi sự ổn định tài chính của quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc;
6. phê duyệt quy chế thanh toán phí bảo hiểm;
7. phê duyệt báo cáo năm của Cơ quan;

8. phê duyệt quy chế cấp gia hạn hoặc kéo dài thời hạn trả nợ cho ngân hàng trong trường hợp Luật liên bang hiện hành xem xét;
9. phê duyệt dự toán chi tiêu của Cơ quan;
10. phê duyệt cơ cấu tổ chức của Cơ quan;
11. ra quyết định về thành lập chi nhánh và về mở văn phòng đại diện;
12. bổ nhiệm và miễn nhiệm Tổng giám đốc Cơ quan;
13. bổ nhiệm và miễn nhiệm thành viên Ban điều hành Cơ quan;
14. bổ nhiệm Kiểm soát trưởng Cơ quan;
15. nhận báo cáo của Tổng giám đốc Cơ quan về các vấn đề hoạt động của Cơ quan;
16. ra quy chế làm việc của Ban điều hành Cơ quan;
17. thực hiện lãnh đạo hoạt động kiểm toán nội bộ của Cơ quan;
18. ra quyết định về phát hành công trái và các giấy tờ có giá khác;
19. thực hiện các quyền khác được đề cập bởi Luật Liên bang hiện hành.

Điều 20. Ban điều hành Cơ quan

Số lượng thành viên ban điều hành Cơ quan do Hội đồng quản trị Cơ quan xác định. Tổng giám đốc Cơ quan tham gia vào thành phần Ban điều hành theo nhiệm vụ và lãnh đạo công việc của Ban điều hành.

Thành viên Ban điều hành, không kể Tổng giám đốc, được bổ nhiệm với thời hạn 5 năm bởi Hội đồng quản trị theo đề nghị của Tổng giám đốc.

Thành viên Ban điều hành làm việc trong Cơ quan

Thành viên Ban điều hành có thể bị miễn nhiệm:

Khi kết thúc thời hạn hiệu lực đã nêu tại điều này bởi Tổng giám đốc Cơ quan;

Trước thời hạn hiệu lực đã nêu tại điều này bởi Hội đồng quản trị Cơ quan theo đề nghị của Tổng giám đốc.

Ban điều hành Cơ quan hoạt động trên cơ sở chương trình đã được Hội đồng quản trị phê duyệt trong đó xác định thời hạn và trình tự triệu tập và tiến hành cuộc họp, trình tự ra các quyết định.

Trong cuộc họp Ban điều hành Cơ quan có nghị quyết. Nghị quyết cuộc họp Ban điều hành được gửi đến cho các thành viên Hội đồng quản trị, cho kiểm toán viên nội bộ và bên ngoài theo yêu cầu.

Việc tiến hành cuộc họp Ban điều hành do tổng giám đốc hoặc người được uỷ quyền thực hiện. Nghị quyết cuộc họp Ban điều hành do chủ tọa cuộc họp Ban điều hành và một trong số thành viên Ban điều hành có mặt trong cuộc họp ký.

Điều 21. Quyền hạn Ban điều hành Cơ quan

Khi thực hiện chức năng bảo hiểm tiền gửi bắt buộc Ban điều hành:

- 1) ra quyết định về chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền;
- 2) ra quyết định về việc ghi danh ngân hàng vào bảng kê ngân hàng và về việc loại ngân hàng ra khỏi bảng kê theo trật tự được quy định bởi Luật Liên bang hiện hành;
- 3) yêu cầu Ngân hàng Nga áp dụng các biện pháp trách nhiệm vật chất đối với ngân hàng theo điều 74 của Luật Liên bang “Về Ngân hàng Trung ương Liên Bang Nga (Ngân hàng Nga)”;
- 4) trình Hội đồng quản trị phê duyệt đề nghị về phát triển hệ thống bảo hiểm tiền gửi, về phương hướng, điều kiện và quy chế phân bổ và (hoặc) đầu tư các phương tiện tạm thời nhân rồi của quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc;
- 5) trình Hội đồng quản trị phê duyệt đề nghị về quy mô của quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc, đủ để thực hiện mức chi trả bảo hiểm cho năm tới, mức chi phí từ ngân sách liên bang để bù đắp thiếu hụt quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc cho năm tới;
- 6) trình Hội đồng quản trị bảng kê số thiếu hụt quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc trên cơ sở số liệu của bảng kê nghĩa vụ của các ngân hàng đối với người gửi tiền, mà việc hình thành được đề cập tại Điểm 4 Khoản 3 Điều 6 luật liên bang hiện hành, không chậm hơn 3 ngày kể từ ngày nhận từ ngân hàng bảng kê nghĩa vụ đối với người gửi tiền phù hợp với Khoản 1 điều 30 luật liên bang hiện hành;
- 7) xem xét báo cáo năm của Cơ quan và trình Hội đồng quản trị phê duyệt;
- 8) trình Hội đồng quản trị kiến nghị về việc sử dụng lợi nhuận của Cơ quan;
- 9) phê duyệt tiến độ tuyển dụng nhân viên, xác định điều kiện thuê mướn lao động, buộc thôi việc, trách nhiệm và quyền lao động, hệ thống trách nhiệm vật chất, mức độ và hình thức trả công lao động;
- 10) thực hiện các quyền hạn khác được đề cập tại Luật Liên bang hiện hành nếu chúng không thuộc quyền của Hội đồng quản trị.

Điều 22. Tổng giám đốc Cơ quan

1. Tổng giám đốc Cơ quan do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị Cơ quan với thời hạn 5 năm. ứng viên Tổng giám đốc được đưa ra Hội đồng quản trị 1 tháng trước khi kết thúc thời hạn hiệu lực Tổng giám đốc Cơ quan.
2. Tổng giám đốc Cơ quan có thể bị miễn nhiệm bởi Hội đồng giám giá theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong các trường hợp:
 - 1) hết thời hạn hiệu lực;
 - 2) nộp đơn các nhân xin từ chức cho Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - 3) thực hiện hình phạt trách nhiệm hình sự do toà án phán quyết có hiệu lực thi hành;
 - 4) vi phạm luật liên bang điều chỉnh các quan hệ có liên quan đến hoạt động của Cơ quan.

Điều 23. Quyền hạn của Tổng giám đốc Cơ quan

Tổng giám đốc Cơ quan:

- 1) hoạt động nhân danh Cơ quan và đại diện cho quyền lợi của nó trong quan hệ với các cơ quan chính quyền, các tổ chức nước ngoài và quốc tế, các tổ chức và các cơ quan khác;
- 2) lãnh đạo Ban điều hành và tổ chức thực hiện các quyết định của Ban điều hành;
- 3) ra các chỉ thị và quyết định về các vấn đề hoạt động của Cơ quan;
- 4) phân công trách nhiệm giữa các cấp phó của mình;
- 5) bổ nhiệm và miễn nhiệm các cán bộ của Cơ quan;
- 6) ra quyết định về các vấn đề khác có liên quan đến phạm vi hoạt động của Cơ quan, ngoại trừ các vấn đề có liên quan đến phạm vi của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Cơ quan.

Điều 24. Báo cáo của Cơ quan

1. Kỳ báo cáo của Cơ quan ấn định vào 1.1 đến hết 31.12.
2. Báo cáo năm được lập hàng năm không chậm hơn ngày 15 tháng 2 của năm sau năm báo cáo, và được thông qua Hội đồng quản trị Cơ quan trước ngày 15 tháng 3.
3. Báo cáo năm được gửi cho Chính phủ Liên bang Nga và Ngân hàng Nga.
4. Các số liệu tổng hợp của báo cáo năm và bảng cân đối tài khoản năm bắt buộc phải đăng trên “Thời báo Ngân hàng Nga” và “Báo Nga”.
5. Báo cáo năm bao gồm:
 - 1) Báo cáo hoạt động trong năm báo cáo với sự phân tích tình hình hệ thống bảo hiểm tiền gửi và sử dụng tiền của quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc;
 - 2) Bảng cân đối tài khoản năm;
 - 3) Báo cáo về luân chuyển tiền của quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc;
 - 4) Báo cáo về lãi (lỗ) thu được từ phân bổ và (hoặc) đầu tư tiền tạm thời nhàn rỗi;
 - 5) Danh mục ngân hàng.
6. Độ chính xác của Bảng cân đối tài khoản, Báo cáo về luân chuyển tiền của quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc, Báo cáo về lãi (lỗ) thu được từ phân bổ và (hoặc) đầu tư tiền tạm thời nhàn rỗi được khẳng định bởi tổ chức kiểm toán độc lập.

Điều 25. Kiểm toán Cơ quan

1. Hội đồng quản trị Cơ quan hàng năm xác định hình thức kiểm toán để kiểm tra báo cáo của Cơ quan.
2. Kiểm toán nội bộ được thực hiện bởi bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị. Quy chế tổ chức và hoạt động kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định về việc thực hiện kiểm tra và kiểm toán đột xuất.

Điều 26. Tổ chức lại và giải thể Cơ quan

Cơ quan có thể được tổ chức lại hoặc giải thể trên cơ sở luật Liên bang xác định trình tự tổ chức lại hoặc giải thể và sử dụng tài sản của Cơ quan.

CHƯƠNG 4. CƠ SỞ TỔ CHỨC CỦA HỆ THỐNG BẢO HIỂM TIỀN GỬI

Điều 27. Cơ sở của mối quan hệ của Cơ quan, đơn vị chính quyền Nhà nước và Ngân hàng Nga

1. Các cơ quan chính quyền liên bang, các cơ quan chính quyền chuyên ngành liên bang Nga, cơ quan tự quản địa phương và Ngân hàng Nga không được quyền can thiệp vào hoạt động của Cơ quan về việc thực hiện các chức năng và quyền hạn theo luật định.

2. Cơ quan và Ngân hàng Nga phối hợp hoạt động của mình và thông tin cho nhau về các vấn đề thực hiện các biện pháp về bảo hiểm tiền gửi.

3. Nhằm đảm bảo thông tin cho hoạt động của hệ thống bảo hiểm tiền gửi Ngân hàng Nga gửi cho Cơ quan báo cáo của các ngân hàng và các thông tin cần thiết khác.

4. Ngân hàng Nga không chậm hơn một ngày làm việc sau ngày ra quyết định tương ứng thông báo cho Cơ quan:

1) về việc cấp phép cho ngân hàng của Ngân hàng Nga;

2) về việc ra quyết định tiền hành kiểm tra ngân hàng theo yêu cầu của Cơ quan;

3) về việc Ngân hàng Nga áp dụng đối với ngân hàng biện pháp trách nhiệm vật chất dưới hình thức giới hạn huy động tiền gửi, bổ nhiệm bộ máy quản lý tạm thời tổ chức tín dụng, về việc thu hồi cũng như thay đổi cấp phép của Ngân hàng Nga;

4) về việc tổ chức lại ngân hàng;

5) về việc đình chỉ đáp ứng các yêu cầu của chủ nợ của các ngân hàng.

5. Không chậm hơn một ngày làm việc sau ngày ra các quyết định tương ứng Cơ quan thông báo cho Ngân hàng Nga:

1) về việc đưa ngân hàng vào danh sách bảo hiểm hoặc đưa ngân hàng ra khỏi danh sách này;

2) về việc thay đổi mức phí bảo hiểm đóng góp.

6. Cơ quan có quyền đề nghị Ngân hàng Nga:

1) về việc thực hiện kiểm tra ngân hàng của Ngân hàng Nga. Quy chế tham gia của nhân viên của Cơ quan vào các cuộc kiểm tra này, quyền và trách nhiệm của họ được ấn định trong các văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nga theo thoả thuận với Cơ quan;

2) Về việc Ngân hàng Nga áp dụng đối với ngân hàng biện pháp trách nhiệm vật chất đã được đề cập trong luật liên bang, đính kèm các văn bản làm cơ sở cần thiết cho việc áp dụng các biện pháp này.

7. Về việc ra các quyết định về tiền hành kiểm tra ngân hàng của Ngân hàng Nga và việc Ngân hàng Nga áp dụng các biện pháp trách nhiệm vật chất Ngân hàng Nga thông báo cho Cơ quan trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị tương ứng.

Điều 28. Đưa ngân hàng vào và ra khỏi danh mục của hệ thống bảo hiểm tiền gửi. Bảng kê danh sách ngân hàng

1. Việc đặt ngân hàng vào thống kê trong hệ thống bảo hiểm tiền gửi do Cơ quan thực hiện bằng cách đưa nó vào bảng kê ngân hàng trên cơ sở thông báo của Ngân hàng Nga về cấp phép cho ngân hàng.

2. Cơ quan đưa ngân hàng vào bảng kê ngân hàng vào ngày nhận thông báo của Ngân hàng Nga đã nêu tại Khoản 1 điều này.

3. Ngân hàng bị Cơ quan đưa ra khỏi danh sách thống kê của hệ thống bảo hiểm tiền gửi bằng cách loại trừ nó khỏi bảng kê ngân hàng trong các trường hợp sau:

1) thu hồi (vô hiệu hoá) cấp phép của Ngân hàng Nga và Cơ quan hoàn thành việc trả tiền bảo hiểm theo luật định;

2) đình chỉ quyền huy động tiền gửi của các cá nhân và quyền mở và thực hiện tài khoản cá nhân do thay đổi cấp phép của Ngân hàng Nga và ngân hàng thực hiện nghĩa vụ đối với người gửi tiền. Đồng thời với việc áp dụng các quyết định này ngân hàng có trách nhiệm thông báo cho tất cả người gửi tiền về việc mình ra khỏi hệ thống bảo hiểm tiền gửi;

3) đình chỉ hoạt động ngân hàng do tổ chức lại.

4. Thông tin về việc đưa ngân hàng vào danh sách ngân hàng và loại ngân hàng ra khỏi danh sách này phải được Cơ quan đăng trên “Thời báo ngân hàng Nga” và “Báo Nga”. Quy định thực hiện bảng danh sách ngân hàng do Cơ quan ban hành.

5. Cơ quan gửi cho ngân hàng thông tin về việc đưa ngân hàng vào danh sách và đưa ra khỏi danh sách này, về trình tự thanh toán và nộp phí bảo hiểm tiền gửi không chậm hơn ngày kế tiếp ngày Cơ quan ra quyết định tương ứng, thường xuyên cung cấp cho ngân hàng các thông tin cần thiết khác về hệ thống bảo hiểm tiền gửi.

6. Chi phí về việc đặt ngân hàng vào và đưa ngân hàng ra khỏi thống kê hệ thống bảo hiểm tiền gửi không phải trả.

Điều 29. Cơ quan nhận báo cáo của ngân hàng và thông tin khác

1. Cơ cấu báo cáo của ngân hàng và thông tin khác được Ngân hàng Nga chuyển cho Cơ quan và thời hạn chuyển do Ngân hàng Nga xác định theo thoả thuận với Cơ quan.

2. Vấn đề ngân hàng tham gia vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi trên cơ sở yêu cầu bằng văn bản Cơ quan có quyền nhận từ ngân hàng những giải trình có liên quan đến thông tin về nộp phí bảo hiểm, về việc thực hiện ghi chép và lập bảng kê nghĩa vụ của ngân hàng đối với người gửi tiền, về nghĩa vụ của người gửi tiền đối với ngân hàng, việc ngân hàng thực hiện các nghĩa vụ khác do Luật liên bang hiện hành quy định. Những giải trình đã nêu ngân hàng

chuyển đến cho Cơ quan trong vòng 15 ngày kể từ ngày có yêu cầu tương ứng nếu Cơ quan không xác định thời hạn khác.

Điều 30. Trình tự phối hợp của Cơ quan với ngân hàng xuất hiện tình huống bảo hiểm

1. Ngân hàng xuất hiện tình huống bảo hiểm trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày xuất hiện tình huống bảo hiểm đã nêu cung cấp cho Cơ quan bảng kê nghĩa vụ của ngân hàng đối với người gửi tiền khẳng định số tiền gửi được huy động phải bảo hiểm phù hợp với luật liên bang hiện hành.

2. Trong trường hợp ngân hàng đáp ứng (đáp ứng một phần) yêu cầu của người gửi tiền bao gồm cả trong quá trình đấu thầu, ngân hàng (quản lý đấu thầu) có trách nhiệm ngay trong ngày chuyển cho Cơ quan số liệu và tài liệu tương ứng.

3. Cơ quan có quyền yêu cầu và nhận tại ngân hàng có tình huống bảo hiểm thông tin bổ sung gồm cả bản copy tài liệu nếu thông tin do ngân hàng cung cấp phù hợp với Khoản 1 và 2 điều này không đủ để thực hiện các biện pháp chi trả tiền bảo hiểm. Ngân hàng có tình huống bảo hiểm có trách nhiệm cung cấp cho Cơ quan thông tin được yêu cầu trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu tương ứng của Cơ quan.

4. Hàng tuần Cơ quan thông báo cho ngân hàng có tình huống bảo hiểm thông tin về người gửi tiền của ngân hàng đã nhận tiền bảo hiểm, số tiền mà Cơ quan đã chi trả, về số tiền gửi đã thực hiện chi trả bảo hiểm.

Điều 31. Bí mật dịch vụ, thương mại và ngân hàng

1. Cơ quan có quyền nhận thông tin thuộc bí mật dịch vụ, thương mại và ngân hàng của ngân hàng có tình huống bảo hiểm cần thiết để thực hiện chức năng của mình do Luật liên bang hiện hành quy định.

2. Cơ quan có trách nhiệm cung cấp những thông tin đã biết về nghiệp vụ của ngân hàng có tình huống bảo hiểm, về tài khoản và tiền gửi, về tình hình tài chính, các thông tin khác là bí mật thương mại và ngân hàng của ngân hàng đã nêu theo yêu cầu của toà án và Ngân hàng Nga.

3. Trong trường hợp Cơ quan hay những người có trách nhiệm của Cơ quan vi phạm thông tin là bí mật dịch vụ, thương mại và ngân hàng, phù hợp với luật pháp liên bang Nga Cơ quan có trách nhiệm buộc các đối tượng liên quan có vi phạm bù đắp thiệt hại đã gây ra.

Điều 32. Tham gia của nhân viên Cơ quan vào kiểm tra các ngân hàng

Ngân hàng Nga trưng dụng nhân viên của Cơ quan tham gia vào việc kiểm tra ngân hàng theo các vấn đề có liên quan đến dung lượng và cơ cấu nghĩa vụ của các ngân hàng đối với người gửi tiền, nộp phí bảo hiểm, và việc ngân hàng thực hiện các nghĩa vụ khác của mình đã được luật liên bang hiện hành quy định.

CHƯƠNG 5. CƠ SỞ TÀI CHÍNH CỦA HỆ THỐNG BẢO HIỂM TIỀN GỬI

Điều 33. Quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc

1. Quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc là tổng hợp các phương tiện tiền tệ và các tài sản khác được hình thành và sử dụng phù hợp với Luật liên bang hiện hành.
2. Quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc thuộc quyền Cơ quan về sở hữu và dùng để tài trợ chi trả tiền bảo hiểm theo quy định và với điều kiện do luật liên bang hiện hành quy định.
3. Quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc độc lập với các tài sản khác của Cơ quan. Đối với Quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc thực hiện hạch toán đặc biệt.
4. Các phương tiện tiền tệ của Quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc được hạch toán trên tài khoản mở riêng của Cơ quan tại Ngân hàng Nga. Ngân hàng Nga không trả lãi suất cho tài khoản này.
5. Đối với Quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc không thể có truy đòi nghĩa vụ của Liên bang Nga, của các chủ thể của Liên bang Nga, các ngân hàng, các bên thứ ba khác, cũng như Cơ quan, loại trừ trường hợp khi nghĩa vụ của Cơ quan đã phát sinh liên quan đến việc không thi hành trách nhiệm về chi trả tiền bảo hiểm. Truy đòi từ Quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc theo nghĩa vụ của Cơ quan phát sinh liên quan đến việc không thi hành trách nhiệm chi trả tiền bảo hiểm chỉ được thực hiện trên cơ sở phán quyết của toà án.

Điều 34. Nguồn hình thành Quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc

Quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc hình thành từ:

1. phí bảo hiểm nộp phù hợp với luật liên bang hiện hành;
2. tiền phạt do nộp phí không kịp thời và (hoặc) không đầy đủ;
3. phương tiện tiền tệ và các tài sản khác nhận được từ việc đáp ứng quyền đòi hỏi của Cơ quan có được do chi trả tiền bảo hiểm;
4. tiền của Ngân sách Liên bang trong các trường hợp luật liên bang hiện hành đề cập;
5. thu nhập từ phân bổ và (hay) đầu tư tiền tạm thời nhả rồi của Quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc;
6. khoản đóng góp tài sản ban đầu theo điều 50 của luật hiện hành;
7. Các thu nhập khác mà luật pháp liên bang không cấm.

Điều 35. Phí bảo hiểm

1. Phí bảo hiểm tiền gửi thống nhất cho tất cả các ngân hàng và ngân hàng phải trả từ ngày đưa ngân hàng vào bảng kê danh sách ngân hàng và đến ngày rút (vô hiệu hoá) cấp phép của Ngân hàng Nga hoặc đến ngày loại ngân hàng khỏi bảng kê danh sách ngân hàng phù hợp với Điểm 1 và 2 Khoản 3 điều 28 của luật hiện hành.
2. Chu kỳ tính đầu tiên để nộp phí bảo hiểm là giai đoạn từ ngày đưa ngân hàng vào Bảng kê danh sách ngân hàng đến hết ngày kết thúc quý theo lịch, mà trong quý đó ngân hàng được đưa vào danh sách.
3. Việc Ngân hàng Nga thực hiện đình chỉ đáp ứng các yêu cầu của chủ nợ của các ngân hàng làm tạm ngừng trách nhiệm của ngân hàng nộp phí bảo hiểm trong thời gian hiệu lực của biện

pháp đã nêu. Khi đó, ngân hàng có trách nhiệm trả phí bảo hiểm cho giai đoạn thanh toán trong đó tiền hành sự đình chỉ nói trên, bao gồm cả ngày trước khi thực hiện biện pháp đình chỉ.

Điều 36. Trình tự tính toán và chi trả phí bảo hiểm

1. Giai đoạn thanh toán để chi trả phí bảo hiểm quy của năm lịch.
2. Cơ sở thanh toán phí bảo hiểm (sau đây gọi là cơ sở thanh toán) được xác định là số trung bình theo thời gian trong quy thanh toán số dư cân đối hàng ngày trên tài khoản kế toán tiền gửi trừ tiền gửi không được bảo hiểm theo quy định của luật liên bang hiện hành.
3. Số dư tiền gửi ngoại tệ cân đối hàng ngày được xác định bằng tiền Liên bang Nga theo tỷ giá chính thức do Ngân hàng Nga ấn định hàng ngày.
4. Mức phí bảo hiểm không quá 0,15% cơ sở thanh toán trong giai đoạn gần nhất.
5. Trong trường hợp được đề cập trong luật hiện hành mức phí bảo hiểm có thể tăng đến 0,3% cơ sở thanh toán nhưng không vượt quá hai giai đoạn thanh toán trong vòng 18 tháng.
6. Mức phí bảo hiểm không được vượt quá 0,05% cơ sở thanh toán từ giai đoạn thanh toán tiếp theo giai đoạn thanh toán trong đó số tiền của quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc bao gồm cả tiền Cơ quan đầu tư theo quy định của Luật này, vượt quá 5% tổng số tiền gửi tại các ngân hàng.
7. Mức phí bảo hiểm Hội đồng quản trị Cơ quan ấn định. Khi thay đổi mức phí bảo hiểm, mức phí bảo hiểm mới được áp dụng không trước 45 ngày sau khi áp dụng biện pháp tương ứng.
8. Quyết định về việc ấn định mức phí bảo hiểm được đăng công khai trên “Thời báo ngân hàng Nga” và “Báo nước Nga” không chậm hơn 5 ngày kể từ ngày thông qua.
9. Trình tự tính toán cơ sở thanh toán do Cơ quan quy định. Trường hợp thay đổi trình tự tính toán trình tự tính toán cơ sở thanh toán mới được áp dụng vào giai đoạn thanh toán tiếp theo. Trình tự tính toán cơ sở thanh toán mới phải được thông báo cho các ngân hàng không chậm hơn 30 ngày trước thời điểm bắt đầu giai đoạn thanh toán mới.
10. Việc thanh toán phí bảo hiểm do các ngân hàng tự thực hiện.
11. Việc chi trả phí bảo hiểm được thực hiện trong vòng 5 ngày kể từ ngày kết thúc giai đoạn thanh toán bằng cách chuyển tiền vào tài khoản của Cơ quan tại Ngân hàng Nga trên đó hạch toán quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc.
12. Trách nhiệm trả phí bảo hiểm được coi là hoàn thành từ thời điểm trích tiền từ tài khoản đối ứng của ngân hàng tại Ngân hàng Nga.
13. Số tiền phí bảo hiểm đã trả thừa được tính cho đợt trả tiếp theo hoặc trả lại trong trường hợp đình chỉ trách nhiệm chi trả phí bảo hiểm của ngân hàng theo quy định tại Điều 25 Luật liên bang hiện hành.
14. Chi trả phí bảo hiểm được thực hiện bằng tiền Liên bang Nga.

15. Việc chi trả phí bảo hiểm được ngân hàng dừng lại từ giai đoạn thanh toán tiếp theo giai đoạn trong đó số tiền của quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc gồm cả tiền Cơ quan đầu tư theo quy định của Luật liên bang hiện hành, vượt 10% tổng số tiền gửi tại các ngân hàng.

16. Việc chi trả phí bảo hiểm tự động được ngân hàng khôi phục từ giai đoạn thanh toán tiếp theo giai đoạn thanh toán trong đó số tiền của quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc gồm cả tiền Cơ quan đầu tư theo quy định của Luật liên bang hiện hành, bằng dưới 10% tổng số tiền gửi tại các ngân hàng.

Điều 37. Đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả phí bảo hiểm

1. Do chi trả phí bảo hiểm không kịp thời hay không đầy đủ ngân hàng có vi phạm sẽ bị phạt.
2. Số tiền gọi là phạt tại điều này ngân hàng phải trả ngoài số phí bảo hiểm trong trường hợp việc trả số phí này chậm hơn so với thời hạn được quy định tại Luật này.
3. Cơ quan được quyền yêu cầu ngân hàng tiền hành tính toán lại số phí bảo hiểm không nộp và số tiền phạt và thông báo cho Ngân hàng Nga về sự việc không nộp phí.
4. Tiền phạt được tính cho từng ngày quá hạn kể từ ngày tiếp theo ngày ấn định nộp phí bảo hiểm.
5. Tiền phạt cho mỗi ngày quá hạn được ấn định theo phần trăm của số phí bảo hiểm không trả đúng hạn. Mức phần trăm tiền phạt cho mỗi ngày quá hạn phù hợp với lãi suất tái cấp vốn của Ngân hàng Nga trong giai đoạn tương ứng chia cho 360 ngày.
6. Việc thu hồi số tiền không thực hiện nghĩa vụ ngân hàng nộp phí bảo hiểm, và số tiền phạt Cơ quan thực hiện theo trật tự pháp luật. Số tiền đã nêu phải chuyển vào tài khoản của Cơ quan hạch toán tiền Quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc.

Điều 38. Phân bổ và (hoặc) đầu tư vốn tạm thời nhàn rỗi của Quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc

1. Phân bổ và (hoặc) đầu tư vốn tạm thời nhàn rỗi của Quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc được thực hiện nhằm phát triển hệ thống bảo hiểm tiền gửi theo nguyên tắc hoàn vốn, có lãi và khả năng thanh khoản của các công cụ tài chính mà Cơ quan mua.
2. Phương hướng, trình tự và điều kiện phân bổ và (hoặc) đầu tư vốn tạm thời nhàn rỗi của quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc, mức tối đa phân bổ và (hoặc) đầu tư vốn tạm thời nhàn rỗi được Hội đồng quản trị Cơ quan xác định hàng năm.
3. Vốn tạm thời nhàn rỗi của quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc có thể được phân bổ và (hoặc) đầu tư:
 - 1) vào giấy tờ có giá của Liên Bang Nga;
 - 2) vào giấy tờ có giá của các chủ thể Liên Bang Nga;
 - 3) vào trái phiếu các tổ chức của Nga, loại trừ trái phiếu đã nêu tại Điểm 1 và 2 phần này;
 - 4) vào cổ phiếu các tổ chức Nga hình thành dưới dạng các tổ chức cổ phần mở;
 - 5) vào cổ phiếu các quỹ đầu tư phân bổ tiền vốn vào giấy tờ có giá của các quốc gia nước ngoài, trái phiếu, cổ phiếu của các tổ chức cổ phần nước ngoài khác;

- 6) vào giấy tờ có giá phát hành phù hợp pháp luật liên bang;
 - 7) vào giấy tờ có giá của các quốc gia là thành viên của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế;
 - 8) vào tiền gửi và giấy tờ có giá của Ngân hàng Nga;
4. Không cho phép phân bổ vốn tạm thời nhàn rỗi của quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc vào các đối tượng đầu tư mà luật liên bang hiện hành không đề cập trực tiếp.
5. Vốn tạm thời nhàn rỗi của quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc không được sử dụng để mua giấy tờ có giá của các đối tượng mà đối với họ đang thực hiện biện pháp xử lý trước toà, hoặc đang chuẩn bị phá sản (giám sát, quản lý tạm thời (từ bên ngoài), đấu thầu) phù hợp với pháp luật Liên bang Nga về Phá sản, hoặc kiểm soát đặc biệt áp dụng trong hai năm gần nhất.
6. Phân bổ vốn tạm thời nhàn rỗi của quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc vào giấy tờ có giá chỉ được phép:
- 1) nếu nó lưu hành trên thị trường giấy tờ có giá hoặc do Chính phủ Liên Bang phát hành đặc biệt để phân bổ vốn của các nhà đầu tư, đối với các giấy tờ có giá đã nêu tại Khoản 1 Phần 3 điều này;
 - 2) nếu nó lưu hành trên thị trường giấy tờ có giá có tổ chức và đáp ứng các tiêu chuẩn do cơ quan hành pháp toàn quyền liên bang ban hành theo sự thoả thuận với hội đồng liên bang về thị trường giấy tờ có giá, - đối với giấy tờ có giá đã nêu tại Điểm 2, 4 và 6 Phần 3 điều này.
7. Việc sử dụng hợp đồng có kỳ hạn (mua quyền lựa chọn giấy tờ có giá, bao gồm hợp đồng tương lai) cho phép chỉ với mục tiêu bảo hiểm rủi ro theo quy định của luật pháp Liên bang Nga.
8. Các phương tiện tài chính có được nhờ vốn tạm thời nhàn rỗi của quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc là bộ phận cấu thành của nó và được phản ánh trên bảng cân đối trong đó hạch toán quỹ này.

Điều 39. Phương hướng sử dụng vốn của Quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc

Phương tiện tiền tệ của quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc được Cơ quan sử dụng để tài trợ chi trả bảo hiểm, cho chi phí liên quan đến việc thực hiện chức năng bảo hiểm tiền gửi bắt buộc, và các mục tiêu khác phù hợp với luật hiện hành.

Điều 40. Tài chính chi tiêu của Cơ quan

1. Chi phí của Cơ quan cho việc tiến hành những biện pháp có liên quan đến hoạt động về bảo hiểm tiền gửi bắt buộc được thực hiện bằng tài sản của Cơ quan.
2. Trong trường hợp không đủ tài sản đã nêu việc tài trợ cho các biện pháp có liên quan đến hoạt động về bảo hiểm tiền gửi bắt buộc có thể được thực hiện theo đề nghị của Hội đồng quản trị Cơ quan bằng tiền của quỹ dự trữ của chính phủ Liên bang Nga.

Điều 41. Đảm bảo sự bền vững tài chính của hệ thống bảo hiểm tiền gửi bắt buộc

1. Sự bền vững tài chính của hệ thống bảo hiểm tiền gửi được đảm bảo bằng tài sản của Cơ quan và các phương tiện của ngân sách liên bang theo quy định và trong điều kiện do luật liên bang hiện hành và luật ngân sách liên bang quy định.

2. Để đảm bảo sự bền vững tài chính của hệ thống bảo hiểm tiền gửi bằng luật liên bang về ngân sách liên bang cho năm tương ứng quy định quyền của Chính phủ liên bang Nga cho vay không lãi suất từ ngân sách và thực hiện cho vay, quy định mức tối đa khoản cho vay này, cũng như mức tối đa chi tiêu tương ứng của ngân sách liên bang.

3. Trong trường hợp Hội đồng quản trị Cơ quan ủng hộ quyết định của Ban điều hành về khả năng thực hiện chi trả tiền bảo hiểm theo thời hạn được quy định tại luật liên bang hiện hành không cần bổ sung từ quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc nhờ vào tiền bổ sung (trừ phí bảo hiểm tiền gửi và các thu nhập đã được dự tính) Hội đồng quản trị trong thời hạn không quá 7 ngày kể từ khi xuất hiện tình huống bảo hiểm sẽ ra một trong những quyết định sau đây:

1) đề nghị Chính phủ Liên bang Nga hỗ trợ cho Cơ quan số tiền tương ứng dưới dạng ngân sách cho vay không lãi suất, nếu số thiếu hụt quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc do Ban điều hành Cơ quan tính toán không quá 1 tỷ rúp. Chính phủ Liên bang Nga ra quyết định tương ứng vào thời hạn không quá 7 ngày;

2) đề nghị Chính phủ Liên bang Nga hỗ trợ Cơ quan số tiền bổ sung từ ngân sách liên bang nếu số thiếu hụt quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc do Ban điều hành Cơ quan tính toán vượt quá 1 tỷ rúp. Khi không có khả năng hỗ trợ số tiền đã nêu Chính phủ Liên bang Nga trong phạm vi quyền hạn của mình để trình Hạ viện Liên bang Nga đề án luật liên bang về việc đưa những thay đổi tương ứng vào luật liên bang về ngân sách năm tương ứng trong thời hạn không quá 7 ngày lịch kể từ ngày nhận được đề nghị của Hội đồng quản trị Cơ quan.

4. Nhằm khôi phục quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc Hội đồng quản trị Cơ quan có thể ấn định nâng cao mức phí bảo hiểm phù hợp luật liên bang hiện hành.

Điều 42. Kiểm tra việc thực hiện chức năng của hệ thống bảo hiểm tiền gửi

1. Kiểm tra việc thực hiện chức năng của hệ thống bảo hiểm tiền gửi do Chính quyền Liên bang Nga và Ngân hàng Nga thực hiện bằng cách cử người đại diện vào cơ quan quản lý của Cơ quan.

2. Hội đồng quản trị Cơ quan hàng năm trên cơ sở đấu thầu xác định cơ quan kiểm toán để tiến hành kiểm tra việc Cơ quan sử dụng quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc.

3. Kiểm tra việc thực hiện chi tiêu ngân sách liên bang sử dụng vào quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc được tiến hành theo trình tự quy định đối với việc sử dụng tiền từ ngân sách liên bang.

CHƯƠNG 6. TÌNH TRẠNG KẾT LUẬN VÀ CHUYỂN ĐỔI

Điều 43. Đặc điểm tình hình để ghi tên vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi của các ngân hàng được phép của Ngân hàng Nga vào ngày có hiệu lực của Luật Liên bang hiện hành

1. Ngân hàng có phép của Ngân hàng Nga vào ngày có hiệu lực của Luật này đưa vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi do Cơ quan đưa vào danh sách ngân hàng trên cơ sở thông báo của

Ngân hàng Nga về việc cấp cho họ đánh giá tốt về sự phù hợp của ngân hàng với các điều kiện được đặt ra tại Điều 44 luật liên bang hiện hành (tiếp theo là đáp ứng yêu cầu tham gia vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi).

2. Cơ quan đưa ngân hàng vào danh sách ngân hàng không chậm hơn một ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Ngân hàng Nga như đã nêu tại Phần 1 điều này.

3. Tiền gửi tại ngân hàng có phép của Ngân hàng Nga vào ngày có hiệu lực của Luật này được bảo hiểm theo quy định tại Luật này kể từ ngày đưa nó vào hạch toán vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi.

Điều 44. Yêu cầu tham gia vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi của các ngân hàng được phép của Ngân hàng Nga vào ngày có hiệu lực của Luật Liên bang hiện hành

1. Ngân hàng có phép của Ngân hàng Nga vào ngày có hiệu lực của Luật này được công nhận đáp ứng các yêu cầu tham gia vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi khi đồng thời có các điều kiện sau đây:

- 1) nếu kế toán và báo cáo của ngân hàng được Ngân hàng Nga công nhận là chuẩn xác;
- 2) nếu ngân hàng thực hiện được các tiêu chuẩn bắt buộc do Ngân hàng Nga ấn định;
- 3) nếu sự ổn định tài chính của ngân hàng được Ngân hàng Nga công nhận là đủ;
- 4) nếu các biện pháp đã được xem xét tại Điều 74 Luật Liên bang “Về Ngân hàng trung ương liên bang Nga (Ngân hàng Nga)”, Điều 20 Luật Liên bang “Về ngân hàng và hoạt động ngân hàng”, Điều 3 Luật Liên bang ngày 25.2.1999 số 40 F3 “Về sự không đứng vững (phá sản) của các tổ chức tín dụng”, không áp dụng cho ngân hàng, cũng như không có cơ sở để áp dụng chúng theo kết quả thanh tra chuyên đề được thực hiện phù hợp với Điểm 4 Điều 25 Luật này.

2. Kế toán và báo cáo của ngân hàng được Ngân hàng Nga công nhận là chuẩn xác trong trường hợp nếu đồng thời:

- 1) kế toán và báo cáo của ngân hàng phù hợp với các luật liên bang, tiêu chuẩn, quy định của Liên bang do Ngân hàng Nga quy định, với chính sách kế toán của ngân hàng;
- 2) những thiếu sót và lỗi có thể có trong kế toán và báo cáo của ngân hàng không ảnh hưởng đến việc đánh giá sự ổn định tài chính của nó.

3. Sự ổn định tài chính của ngân hàng được Ngân hàng Nga đánh giá theo nhóm chỉ tiêu được nêu tại Điểm 4 điều này với sự đánh giá theo từng nhóm bằng kết quả tổng hợp “đạt” hoặc “không đạt” và Ngân hàng Nga công nhận là đảm bảo khi có kết quả “đạt” theo tất cả các nhóm chỉ tiêu.

4. Để đánh giá sự ổn định tài chính của ngân hàng sử dụng các nhóm chỉ tiêu sau đây:

- 1) nhóm chỉ tiêu đánh giá vốn bao gồm các chỉ tiêu đánh giá sự đầy đủ và chất lượng vốn;

2) nhóm chỉ tiêu đánh giá tài sản có bao gồm cả chỉ tiêu chất lượng nợ cho vay và các tài sản có khác, mức dự trữ bù đắp tổn thất về cho vay và các tài sản có khác, mức độ tập trung rủi ro tài sản có bao gồm cả rủi ro tín dụng đối với cổ đông (người tham gia);

3) nhóm chỉ tiêu đánh giá chất lượng quản lý ngân hàng, các nghiệp vụ và rủi ro, bao gồm các chỉ tiêu sự rõ ràng của cơ cấu sở hữu, tổ chức hệ thống quản lý rủi ro, trong đó có kiểm tra trạng thái ngoại hối, công tác kiểm soát nội bộ, gồm cả hệ thống công khai hoá chống thu nhập bất hợp pháp và tài trợ khủng bố;

4) nhóm chỉ tiêu đánh giá thu nhập gồm các chỉ tiêu mức doanh lợi tài sản có và vốn, cơ cấu thu nhập và chi phí, tính thu nhập của từng loại nghiệp vụ và cả ngân hàng;

5) nhóm chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh toán gồm các chỉ tiêu tính thanh khoản của tài sản có, tính thanh khoản và cơ cấu của các nghĩa vụ, tính thanh khoản chung của ngân hàng, rủi ro từ khách hàng vay và người gửi tiền lớn.

5. Cơ cấu của các chỉ tiêu đã nêu tại điều này, phương pháp tính toán và xác định kết quả tổng hợp được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nga và được đăng trên “Thời báo Ngân hàng Nga” không chậm hơn 1 tháng kể từ ngày Luật liên bang này có hiệu lực.

Điều 45. Trình tự Ngân hàng Nga kết luận về sự phù hợp của các ngân hàng được phép của Ngân hàng Nga vào ngày có hiệu lực của Luật Liên bang hiện hành đối với các yêu cầu tham gia vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi

1. Ngân hàng có phép của Ngân hàng Nga vào ngày có hiệu lực của luật hiện hành nhận quyết định về việc tham gia vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi, trong thời hạn không quá 6 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực được quyền kiến nghị Ngân hàng Nga về việc Ngân hàng Nga đưa ra những kết luận về sự phù hợp của ngân hàng đối với những yêu cầu tham gia vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi (tiếp theo cũng như kết luận).

2. Ngân hàng Nga đưa ra kết luận với thời hạn không quá 9 tháng kể từ ngày nộp vào Ngân hàng Nga kiến nghị về việc Ngân hàng Nga đưa ra kết luận.

3. Việc Ngân hàng Nga xem xét và đưa ra kết luận phải kết thúc vào thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Luật này có hiệu lực pháp lý.

4. Việc Ngân hàng Nga xem xét kiến nghị bao gồm các bước sau đây:

1) phân tích sơ bộ sự phù hợp của ngân hàng đối với yêu cầu tham gia vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi;

2) thanh tra chuyên đề để kiểm tra độ tin cậy của kế toán và báo cáo, cũng như cảnh báo các sự kiện có liên quan đến việc xác định sự phù hợp của ngân hàng với yêu cầu tham gia vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi và không thể tiếp nhận bằng phương pháp giám sát từ xa;

3) phân tích kết luận các kết quả gồm cả việc tính toán giá trị của các tiêu chuẩn;

4) đưa ra kết luận tích cực hay tiêu cực.

5. Đối với thanh tra chuyên đề được tiến hành phù hợp với luật hiện hành không áp dụng hiệu lực Khoản 5 và 6 Điều 73 Luật Liên bang “Về Ngân hàng trung ương Liên bang Nga (Ngân hàng Nga)”.

6. Trong trường hợp Ngân hàng Nga đưa ra kết luận phủ định, sau khi khắc phục những điểm không phù hợp đã nêu ngân hàng được quyền đề nghị lại đối với Ngân hàng Nga, loại trừ trường hợp khi có cơ sở để Ngân hàng Nga rút phép phù hợp với luật pháp Liên bang Nga.

7. Đề nghị lại được ngân hàng nộp vào thời hạn không quá 16 tháng kể từ ngày luật liên bang hiện hành có hiệu lực pháp lý.

8. Việc Ngân hàng Nga xem xét đề nghị lại và đưa ra kết luận tương ứng phải kết thúc vào thời hạn không quá 21 tháng kể từ ngày luật liên bang hiện hành có hiệu lực pháp lý.

9. Việc ngân hàng kiến nghị Ngân hàng Nga không được phép quá hai lần.

10. Việc đưa ra kết luận do Ủy ban thanh tra ngân hàng Ngân hàng Nga thực hiện.

11. Ngân hàng Nga trao cho ngân hàng quyết định về kết luận khẳng định hay phủ định không chậm hơn ngày làm việc sau ngày ra quyết định.

12. Trong vòng một tháng kể từ ngày Ngân hàng Nga ra kết luận phủ định theo kết quả xem xét đề nghị lại, ngân hàng được quyền khiếu nại kết luận này đến Ủy ban thanh tra ngân hàng Ngân hàng Nga, còn trong trường hợp Ủy ban này khẳng định kết luận phủ định được quyền khiếu nại tiếp đến Chủ tịch Ngân hàng Nga trong vòng một tháng sau khi có sự khẳng định đó.

13. Ủy ban thanh tra ngân hàng Ngân hàng Nga và Chủ tịch Ngân hàng Nga xem xét đơn khiếu nại kết luận phủ định của ngân hàng trong vòng một tháng.

14. Trình tự Ngân hàng Nga xem xét kiến nghị và đơn khiếu nại kết luận phủ định được quy định bằng văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nga và được đăng trên “Thời báo Ngân hàng Nga” không chậm hơn một tháng sau khi luật liên bang hiện hành có hiệu lực.

15. Ngân hàng Nga thông báo cho Cơ quan về việc ra kết luận khẳng định không chậm hơn ngày làm việc tiếp theo ngày đưa ra quyết định này.

Điều 46. Hậu quả của sự từ chối đối với ngân hàng được phép của Ngân hàng Nga vào ngày có hiệu lực của Luật Liên bang hiện hành không được tham gia vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi

1. Cơ sở mà Luật liên bang hiện hành từ chối ngân hàng tham gia vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi là:

1). Ngân hàng không đề nghị với Ngân hàng Nga trong vòng 6 tháng kể từ ngày luật liên bang hiện hành có hiệu lực pháp lý.

2). Ngân hàng gửi cho Ngân hàng Nga đơn từ chối không huy động tiền gửi cá nhân, mở và thực hiện tài khoản cá nhân.

2. Trong qua hệ với ngân hàng từ chối tham gia vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi theo Khoản 1 điều này, Ngân hàng Nga:

1) Trong vòng 21 tháng kể từ ngày luật liên bang hiện hành có hiệu lực pháp lý có trách nhiệm ra quyết định đình chỉ huy động tiền gửi cá nhân và mở tài khoản ngân hàng cá nhân có hiệu lực từ ngày đình chỉ quyền của ngân hàng đối với nghiệp vụ tiền gửi theo trật tự do luật liên bang hiện hành quy định và các quy định tương ứng của Ngân hàng Nga, hoặc đến ngày Ngân hàng Nga rút phép ngân hàng;

2). Từ thời điểm khi ngân hàng được công nhận không tham gia vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi, nhưng không chậm hơn 21 ngày kể từ ngày luật liên bang hiện hành có hiệu lực pháp lý, gửi yêu cầu ngân hàng thông báo về việc đình chỉ nghiệp vụ tiền gửi.

3. Các ngân hàng mà Ngân hàng Nga gửi yêu cầu đã nêu phù hợp với Khoản 2 điều này có trách nhiệm trong vòng 1 tháng gửi cho Ngân hàng Nga theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nga thông báo về đình chỉ quyền về nghiệp vụ tiền gửi.

4. Ngân hàng đã gửi cho Ngân hàng Nga thông báo về việc đình chỉ quyền về nghiệp vụ tiền gửi, kể từ ngày gửi thông báo này không được quyền huy động tiền gửi cá nhân, cũng như trích tiền bổ sung vào tài khoản tiền gửi của cá nhân đã ký hợp đồng tiền gửi ngân hàng hoặc hợp đồng tài khoản ngân hàng, cho đến trước khi gửi thông báo này. Thông tin về việc này phải được thông báo cho các khách hàng tại các điểm giao dịch ngân hàng vào ngày gửi thông báo đã nêu cho Ngân hàng Nga.

5. Hợp đồng tiền gửi ngân hàng hay hợp đồng tài khoản ngân hàng với cá nhân được ngân hàng ký kết trước ngày Ngân hàng Nga đình chỉ huy động tiền gửi cá nhân và mở tài khoản ngân hàng cá nhân không thuộc đối tượng huỷ bỏ, trừ trường hợp chủ sở hữu tiền gửi (tài khoản) yêu cầu huỷ bỏ hợp đồng tương ứng. Tiền bổ sung, trừ lãi suất trích phù hợp với điều kiện hợp đồng tiền gửi ngân hàng hoặc hợp đồng tài khoản ngân hàng, không được trích chuyển vào tiền gửi (vào tài khoản) và phải hoàn trả cho các cá nhân đã uỷ quyền về trích chuyển tiền vào tiền gửi (vào tài khoản).

6. Vào ngày Ngân hàng Nga phù hợp với Khoản 2 điều này ra đình chỉ đối với ngân hàng về huy động tiền gửi cá nhân và về mở tài khoản ngân hàng của cá nhân ngân hàng có trách nhiệm truyền đạt thông tin về việc đình chỉ quyền huy động tiền gửi cá nhân vào tiền gửi và (hoặc) vào tài khoản, về việc đình chỉ quyền ký kết với các cá nhân các hợp đồng tiền gửi ngân hàng hay các hợp đồng tài khoản ngân hàng mới, cũng như thông tin về việc cấm trích chuyển tiền gửi bổ sung vào tiền tiết kiệm và (hay) vào tài khoản được mở tại ngân hàng trước ngày Ngân hàng Nga quyết định cấm, tại tất cả các điểm phục vụ người gửi tiền của ngân hàng.

7. Trong trường hợp ngân hàng không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 3-6 điều này Ngân hàng Nga áp dụng biện pháp trách nhiệm vật chất theo quy định tại Luật liên bang “Ngân hàng trung ương Liên bang Nga (Ngân hàng Nga)”, tại Luật Liên bang “Về ngân hàng và hoạt động ngân hàng” và các luật liên bang khác.

Điều 47. Hậu quả của việc Ngân hàng Nga ra kết luận phủ định

1. Với mục tiêu của luật liên bang hiện hành, ngân hàng có phép của Ngân hàng Nga vào ngày có hiệu lực của luật liên bang hiện hành bị đánh giá không phù hợp với yêu cầu tham gia vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi trong trường hợp:

1) không trình nộp Ngân hàng Nga khiếu nại lần thứ hai theo trình tự quy định tại Khoản 6-8 điều 45 luật liên bang hiện hành;

2) Ngân hàng Nga có kết luận phủ định theo kết quả xem xét khiếu nại lần thứ hai của ngân hàng và đơn khiếu nại về kết luận phủ định.

2. Trong thời hạn một tháng sau khi ra kết luận phủ định theo kết quả xem xét khiếu nại lần thứ hai, hoặc sau khi có quyết định về việc không thay đổi kết luận phủ định theo kết quả xem xét đơn khiếu nại kết luận phủ định, nhưng không chậm hơn 21 tháng kể từ ngày luật liên bang hiện hành có hiệu lực, Ngân hàng Nga có trách nhiệm:

1) chuyển yêu cầu ngân hàng trình nộp khiếu nại về việc đình chỉ quyền đối với các nghiệp vụ huy động tiền gửi;

2) ra quyết định cấm huy động tiền gửi của cá nhân và mở tài khoản ngân hàng của cá nhân có hiệu lực cho đến ngày đình chỉ quyền của ngân hàng về các nghiệp vụ tiền gửi theo trình tự được quy định tại luật liên bang hiện hành và các phù hợp với nó là các quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nga, hay cho đến ngày Ngân hàng Nga thu hồi giấy phép của ngân hàng.

3. Ngân hàng được Ngân hàng Nga đánh giá không đáp ứng yêu cầu tham gia vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi phù hợp với Khoản 1 điều này, trong vòng một tháng kể từ ngày Ngân hàng Nga cấm huy động tiền gửi và mở tài khoản ngân hàng của cá nhân theo kết quả kiểm tra lại hoặc đã quá thời hạn cho việc nộp cho Ngân hàng Nga khiếu nại lần thứ hai có trách nhiệm gửi cho Ngân hàng Nga theo quy định của các quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nga khiếu nại về việc đình chỉ quyền đối với các nghiệp vụ tiền gửi.

4. Hợp đồng tiền gửi ngân hàng hay hợp đồng tài khoản ngân hàng với cá nhân được ngân hàng ký kết trước ngày Ngân hàng Nga ra quyết định cấm đã nêu không được huỷ bỏ, trừ trường hợp chủ sở hữu tiền gửi (tài khoản) yêu cầu huỷ bỏ hợp đồng tương ứng. Tiền bổ sung nhập vào tiền gửi (vào tài khoản) kể từ ngày Ngân hàng Nga ra quyết định cấm đã nêu trừ lãi suất được tính phù hợp với các điều kiện của hợp đồng tiền gửi ngân hàng hay hợp đồng tài khoản ngân hàng, không được trích và phải hoàn trả lại cho các cá nhân đã uỷ quyền trích chuyển tiền vào tiền gửi (vào tài khoản).

5. Ngân hàng mà phù hợp với Khoản 2 điều này Ngân hàng Nga đã thực hiện cấm huy động tiền gửi cá nhân và mở tài khoản ngân hàng của cá nhân, không chậm hơn ngày làm việc hôm sau ngày có quyết định cấm đã nêu có trách nhiệm thông báo về việc đình chỉ quyền huy động tiền gửi và tài khoản cá nhân, đình chỉ quyền ký kết mới với các cá nhân hợp đồng tiền gửi ngân hàng và tài khoản ngân hàng, cũng như thông tin về việc cấm trích chuyển tiền bổ sung vào tiền gửi và (hoặc) vào tài khoản mở tại ngân hàng trước ngày nhận được chỉ thị đã nêu, tại các điểm giao dịch với khách hàng, người gửi tiền.

6. Trường hợp ngân hàng không thực hiện trách nhiệm đã nêu tại Khoản 3-5 điều này Ngân hàng Nga áp dụng biện pháp trách nhiệm vật chất được đề cập đến tại Luật liên bang “ Về

Ngân hàng trung ương Liên bang Nga (Ngân hàng Nga)", luật liên bang "Về ngân hàng và hoạt động ngân hàng" và các luật liên bang khác.

Điều 48. Hậu quả của sự không đáp ứng của ngân hàng được đưa vào bảng kê danh sách ngân hàng với những yêu cầu tham gia vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi

1. Ngân hàng được đưa vào danh sách ngân hàng có trách nhiệm đáp ứng các yêu cầu tham gia vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi.

2. Ngân hàng Nga phù hợp với pháp luật Liên bang Nga thực hiện việc giám sát sự đáp ứng của ngân hàng các yêu cầu đã nêu tại Khoản 1 điều này.

3. Trong trường hợp nếu ngân hàng không đáp ứng yêu cầu tham gia vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi trong vòng 3 tháng liên tục, Ngân hàng Nga có trách nhiệm:

1) chuyển yêu cầu đối với ngân hàng đã nêu về việc trình nộp đề nghị về chấm dứt quyền về các nghiệp vụ tiền gửi;

2) ra quyết định cấm huy động tiền gửi của cá nhân và mở tài khoản tiền gửi ngân hàng của cá nhân có hiệu lực từ ngày đình chỉ quyền của ngân hàng về các nghiệp vụ tiền gửi theo trình tự quy định tại luật liên bang hiện hành và các quy phạm pháp luật được Ngân hàng Nga quy định phù hợp với Luật này, hay đến trước ngày Ngân hàng Nga thu hồi giấy phép.

4. Ngân hàng không được Ngân hàng Nga đánh giá đáp ứng yêu cầu tham gia vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi trong thời hạn quy định tại Khoản 3 điều này có trách nhiệm trong vòng một tháng kể từ ngày Ngân hàng Nga ra quyết định cấm huy động tiền gửi của cá nhân và mở tài khoản ngân hàng của cá nhân gửi cho Ngân hàng Nga đề nghị chấm dứt quyền về các nghiệp vụ tiền gửi theo trình tự được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nga.

5. Hợp đồng tiền gửi ngân hàng hay hợp đồng tài khoản ngân hàng được ký kết giữa ngân hàng và các cá nhân trước ngày Ngân hàng Nga ra quyết định cấm đã nêu không phải huỷ bỏ trừ trường hợp chủ sở hữu tiền gửi (tài khoản) đề nghị huỷ bỏ hợp đồng tương ứng. Tiền bổ sung nhập vào tiền gửi (vào tài khoản) từ ngày Ngân hàng Nga ra quyết định cấm đã nêu trừ lãi suất được tính phù hợp với điều kiện hợp đồng tiền gửi ngân hàng hay hợp đồng tài khoản ngân hàng không được trích và phải hoàn trả cá nhân đã uỷ quyền trích chuyển tiền vào tiền gửi (vào tài khoản).

6. Ngân hàng mà phù hợp với Khoản 3 điều này bị Ngân hàng Nga cấm huy động tiền gửi cá nhân và mở tài khoản ngân hàng cá nhân có trách nhiệm không chậm hơn ngày làm việc tiếp theo ngày ra quyết định cấm đã nêu thông báo về việc chấm dứt quyền huy động tiền vào tiền gửi cá nhân và (hay) vào tài khoản, về việc chấm dứt quyền ký kết mới với các cá nhân hợp đồng tiền gửi ngân hàng hay hợp đồng tài khoản ngân hàng, cũng như thông tin về việc cấm trích chuyển tiền bổ sung vào tiền gửi và (hay) vào tài khoản được mở tại ngân hàng trước ngày nhận quyết định đã nêu tại các điểm ngân hàng phục vụ khách hàng, người gửi tiền.

7. Trường hợp khách hàng không thực hiện nghĩa vụ đã nêu tại Khoản 4-6 điều này Ngân hàng Nga áp dụng biện pháp trách nhiệm vật chất được quy định tại Luật liên bang "Về ngân

hàng trung ương Liên bang Nga (Ngân hàng Nga)”, luật liên bang “ Về ngân hàng và hoạt động ngân hàng” và các luật liên bang khác.

8. Ngân hàng bị từ chối tham gia vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi phù hợp với điều 46 Luật liên bang hiện hành có quyền yêu cầu Ngân hàng Nga cấp phép hay dỡ bỏ lệnh cấm huy động tiền gửi cá nhân và mở tài khoản ngân hàng cá nhân không sớm hơn 2 năm kể từ ngày Luật liên bang hiện hành có hiệu lực.

9. Ngân hàng mà theo điều 47 Luật liên bang hiện hành bị kết luận phủ định về việc đáp ứng yêu cầu tham gia vào hệ thống bảo hiểm tiền gửi hoặc phù hợp với điều này được đánh giá là không đáp ứng được các yêu cầu tương ứng có quyền yêu cầu thêm Ngân hàng Nga về việc cấp phép hay dỡ bỏ lệnh cấm huy động tiền gửi cá nhân và mở tài khoản ngân hàng của cá nhân không sớm hơn 2 năm kể từ ngày chấm dứt quyền về nghiệp vụ tiền gửi.

Điều 49. Đặc điểm tham gia của các tổ chức tín dụng mà vốn có sự tham gia của Ngân hàng Nga trong hệ thống bảo hiểm tiền gửi

1. Sự hoàn trả tiền gửi cá nhân ở phần tiền vượt quá mức chi trả tiền gửi xác định theo Luật liên bang hiện hành tại các tổ chức tín dụng mà vốn có sự tham gia của Ngân hàng Nga được đảm bảo bằng trách nhiệm tài trợ của Ngân hàng Nga theo yêu cầu của người gửi tiền đối với ngân hàng theo trình tự quy định tại điều 399 Bộ Luật dân sự Liên bang Nga đến ngày 1 tháng 1 năm 2007.

2. Phí bảo hiểm tiền gửi nộp bởi TCTD mà vốn có sự tham gia của Ngân hàng Nga được hạch toán trên tài khoản riêng tại Ngân hàng Nga do Cơ quan sử dụng theo kế toán riêng. Số tiền đã nêu không được sử dụng để tài trợ trả tiền bảo hiểm trừ trường hợp trả tiền bảo hiểm tại các TCTD đã trích chuyển số phí bảo hiểm này.

3. Hiệu lực Khoản 2 điều này chấm dứt từ ngày 1 của quý tiếp theo ngày đăng thông báo của Hội đồng quản trị Cơ quan ban hành trên cơ sở các số liệu công bố chính thức của Ngân hàng Nga về việc giảm tỷ trọng tiền gửi cá nhân tại các tổ chức tín dụng mà vốn có sự tham gia của Ngân hàng Nga đến mức không vượt quá 50% tổng số tiền gửi cá nhân tại các TCTD của liên bang Nga, nhưng không chậm hơn ngày 1 tháng 1 năm 2007.

Điều 50. Đóng góp tài sản của Liên Bang Nga

1. Đóng góp tài sản của Liên Bang Nga vào tài sản của Cơ quan thực hiện bằng cách chuyển cho nó công ty nhà nước “Cơ quan cơ cấu lại TCTD” 3 tỷ rúp. Trong số đó, 2 tỷ rúp được chuyển vào quỹ bảo hiểm tiền gửi bắt buộc và 1 tỷ - để hình thành nguồn chi của Cơ quan để thực hiện các biện pháp mà luật liên bang hiện hành xem xét đến.

2. Đóng góp tài sản nêu tại Khoản 1 điều này được thực hiện bằng tiền và (hoặc) bằng giấy tờ có giá quốc gia Liên bang Nga đánh giá theo giá thị trường trong 6 tháng kể từ ngày luật liên bang hiện hành có hiệu lực.

3. Tiền do công ty nhà nước “Cơ quan cơ cấu lại TCTD” nhận khi hoàn thành các biện pháp cơ cấu lại TCTD được chuyển phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị vào sở hữu của Cơ quan là đóng góp tài sản của Liên Bang Nga

Điều 51. Hiệu lực thi hành của Luật liên bang hiện hành

1. Luật liên bang hiện hành có hiệu lực từ ngày đăng báo chính thức.
2. Chính phủ liên bang Nga và Ngân hàng Nga trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Luật liên bang hiện hành có hiệu lực có trách nhiệm xác định ứng cử viên đại diện của mình tại Hội đồng quản trị của Cơ quan.

Tổng Thống Liên Bang Nga

V. Puchin

Maxcova, Creml

Ngày 23 tháng 12 năm 2003

Số 177-F3

* Đã đăng: Công báo Liên Bang Nga. Ngày 29.12.2003. N 52. Trang 5029. Báo nước Nga ngày 27.12.2003.